TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Hà Thị Thoan;
2- Ông Trương Xuân Vũ.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/ QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 41/2024/ QĐST -HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị B** 32 tuổi
Địa chỉ: Thôn V Đ- xã V- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh **Lự Hg A** 33 tuổi
Địa chỉ: Thôn V Đ- xã V- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25-3-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh Lự Hg A kết hôn tháng 9 năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi cọ. Mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, hiện tại hai người đã sống ly thân. Xác định không còn tình cảm chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông Bo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lự Hg A vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên toà là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Lự Hg A. Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lê Thị B và anh Lự Hg A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã V- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Lự Hg A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Lê Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Lự Hg A kết hôn năm 2022, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Lê Thị B- anh Lự Hg A không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau… Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông Bo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Lự Hg A không có mặt tham gia phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Lê Thị B khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Lê Thị B và anh Lự Hg A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung; **tài sản chung; nợ chung:** Chị B xác định không có.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị B được ly hôn với anh Lự Hg A.

2- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị B đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001674 ngày 25-3-2024.

3- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô